

Bản án số: 697/2024/HC-PT

Ngày 09 tháng 7 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
Nhà nước về đất đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 1061/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1819/2024/QĐPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1988 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970 (văn bản ủy quyền ngày 26/9/2023) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 25-27 K (nay là đường H), phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lại Hùng A, Văn phòng L và Luật sư Đoàn Thanh H, Văn phòng Luật sư Phạm Văn C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K (có mặt).

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân quận N (có đơn xin vắng mặt).
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số B N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: số B đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

+ Ông Dương Thanh C1, sinh năm 1965. Địa chỉ: số A đường B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Phú T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Nguyễn Phú T trình bày:*

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ:

1. Hủy Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022 của UBND quận N về việc “Trả lời đơn đối với ông Nguyễn Phú T bị ảnh hưởng dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị - Hạ tầng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng cơ sở khu tái định cư A, thuộc phường A, quận N”;

2. Hủy một phần Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm của ông là 1.300.000đ/m²;

3. Buộc Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định bổ sung Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền cho ông do thu hồi của ông 600m² đất ở.

4. Buộc UBND quận N bồi thường giá đất trồng cây lâu năm của ông với mức giá 1.500.000đ/m² theo quy định tại mục V Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 Quyết định về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án khu tái định cư A, phường A, quận N, quy định vị trí thửa đất bị ảnh hưởng tiếp giáp hẻm H, hẻm I, hẻm A, hẻm C An ninh trật tự, hẻm B, hẻm B, lộ giới từ 2,5m - 3m đối với đất trồng cây lâu năm là 1.500.000đ/m² vì phần đất của ông tiếp giáp lộ 3m.

Việc khởi kiện vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, việc UBND quận N thu hồi tổng diện tích đất ở đô thị của ông 600m² nhưng lại không cấp nền định cư cho ông là không đúng với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013 được quy định như sau: “*Hỗ trợ định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở*”. Do đó, ông đề nghị xem xét bố trí cấp cho ông 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền (chỉ bằng 50% diện tích đất ở ông bị thu hồi).

Thứ hai, việc UBND quận N xác định vị trí đất trồng cây lâu năm của ông là vị trí thửa đất bị ảnh hưởng tiếp giáp hẻm nhánh còn lại (gồm các hẻm giáp các

cạnh nhà sau: cạnh nhà 206F6; 223A7; 210B1/6; 198/D6; 198/6; 193T/6; 197D/6; 255B/7; 255F7), lộ giới từ 1,5m - 2m có giá áp dụng là 1.300.000đ/m². Theo quy định tại mục V của Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 thì việc UBND quận N xác định vị trí đất trồng cây lâu năm của ông như vậy là không đúng. Vì theo Giấy chứng nhận số H04194 cấp ngày 14/5/2007 có xác định lộ giới đối với phần đất của ông là 3m phía trước. Nên UBND quận N phải áp dụng mục V của Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 để xác định lại vị trí đất và phải áp giá bồi thường là 1.500.000đ/m² mới phù hợp.

** Theo văn bản trình bày ý kiến người bị kiện thể hiện:*

+ Đối với yêu cầu hủy Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022 của Hội đồng bồi thường dự án về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Phú T:

Theo Biên bản ngày 29/3/2019 và ngày 05/4/2019 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất quận N có biên bản về việc đo đạc, kiểm đếm đất nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi và thu thập thông tin của hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng Công trình khu tái định cư A, với nội dung: ông Nguyễn Phú T bị ảnh hưởng đất trồng không nhà, cây trồng.

Ngày 10/8/2022, UBND quận N ban hành Quyết định số 4678/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND quận N về việc thu hồi đất, với nội dung: Thu hồi đất với diện tích đo đạc thực tế 2.515,14m² trong đó có 600m²(ODT) và 1.734,34m²(CLN) (toàn bộ diện tích thửa đất số 1021 là 300m²(ODT), 1.051,7m²(CLN), tờ bản đồ số 35, Giấy chứng nhận QSDĐ số 06954 cấp ngày 13/12/2002 và toàn bộ diện tích thửa đất số 2739 là 982,64m² gồm 300m²(ODT), 682,64m²(CLN), tờ bản đồ số 35, Giấy chứng nhận QSDĐ số H04194 cấp ngày 14/5/2007) và 180,8m²(CLN) chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, thuộc thửa đất số 86, 78 và 145, tờ bản đồ số 09, khu vực 2, phường A. Ngày 16/8/2022, UBND phường A có biên bản về việc triển khai và trao Quyết định 4678/QĐ-UBND.

Ông Nguyễn Phú T được bồi thường, hỗ trợ về đất, hoa màu và thưởng với tổng số tiền 5.431.087.377đ, theo Quyết định 3215/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 và Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Hội đồng bồi thường đã thông báo 03 lần mời ông T lập thủ tục nhận tiền, nhưng đến nay ông chưa đồng ý nhận tiền.

Ngày 16/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Công văn số 3882/UBND-KT về chính sách hỗ trợ đất ở (mua nền tái định cư) cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp với diện tích lớn để thực hiện dự án Khu tái định cư A, quận N.

Ngày 15/6/2020, UBND quận N ban hành Quyết định số 3855/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở (mua nền tái định cư) đối với ông T bị thu hồi đất nông nghiệp với diện tích lớn. Do đó, Hội đồng bồi thường dự án ban hành Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022 về việc trả lời đơn đối với ông T, bị ảnh hưởng Công trình khu tái định cư A, nội dung: Việc ông Nguyễn Phú T đề nghị cấp lại nền tái định cư với diện tích 300m² đất ở dự án vì gia đình mất 600m²

đất thổ cư và xét bán 02 nền tái định cư tại chỗ được liền kề là không cơ sở xem xét giải quyết là đúng quy định. Ông T khởi kiện yêu cầu hủy Công văn 642/HĐBT là không có cơ sở xem xét.

+ Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm là 1.300.000đ và buộc UBND quận N bồi thường giá 1.500.000đ.

Ngày 19/4/2018 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu tái định cư P, trong đó: Mục VI Điều 1 quy định vị trí thửa đất bị ảnh hưởng tiếp giáp hẻm nhánh còn lại (gồm các hẻm giáp các cạnh nhà sau: cạnh nhà 206F6; 223A7; 210B1/6; 198/D6; 198/6; 193T/6; 197D/6; 255B/7; 255F7) lộ giới từ 1,5m - 2m đối với đất trồng cây lâu năm có giá là 1.300.000đ/m².

Ngày 23/5/2019 Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 84/TB.HĐBT về việc kiểm tra kết quả áp giá tạm tính về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu công trình khu tái định cư A (đợt I), trong đó ông T được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 4.463.829.877đ gồm: tiền bồi thường về đất 4.414.642.000đ $\{(600\text{m}^2 \text{ ODT} \times 3.600.000\text{đ}/\text{m}^2) + (1.734,34\text{m}^2 \text{ CLN}) \times 1.300.000\text{đ}/\text{m}^2\}$; hoa màu 46.902.740đ; thưởng 2.285.137đ.

Ngày 12/6/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 3215/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 9 - 66 hộ) Công trình khu tái định cư A, trong đó: ông T (số thứ tự 15) được duyệt số tiền bồi thường, hỗ trợ là 4.463.829.877đ.

Ngày 16/6/2022, Hội đồng bồi thường có Thông báo số 251/TB.HĐBT về việc kiểm tra kết quả áp giá tạm tính về đất, nhà, vật kiến trúc Công trình khu tái định cư A (đợt 47 bổ sung), trong đó ông T được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 967.257.500đ, gồm tiền bồi thường về đất là 235.040.000đ $(1.734,34\text{m}^2 \text{ CLN} \times 1.300.000\text{đ}/\text{m}^2)$; hỗ trợ 732.217.500đ.

Ngày 10/8/2022, UBND quận N ban hành Quyết định số 4672/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung với ông Nguyễn Phú T ảnh hưởng Công trình khu tái định cư An Bình 967.257.500đ.

Ông T được bồi thường, hỗ trợ về đất, hoa màu và thưởng với tổng số tiền 5.431.087.377đ, theo Quyết định 3215/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 và Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND quận N; trong đó: số tiền bồi thường về đất là 4.649.682.000đ gồm: $\{(600,0\text{m}^2 \text{ ODT} \times 3.600.000\text{đ}/\text{m}^2) + (1.734,34\text{m}^2 \text{ CLN} \times 1.300.000\text{đ}/\text{m}^2) + (180,8\text{m}^2 \text{ CLN} \times 1.300.000\text{đ}/\text{m}^2)\}$ là đúng quy định. Do đó, ông T yêu cầu hủy một phần Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm 1.300.000đ và buộc UBND quận N bồi thường với giá 1.500.000đ là không có cơ sở giải quyết.

+ Đối với yêu cầu buộc UBND quận N ra quyết định bổ sung Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền cho ông T.

Ngày 16/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Công văn 3882/UBND-KT về chính sách hỗ trợ đất ở (mua nền tái định cư) cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp với diện tích lớn để thực hiện dự án Khu tái định cư A, nội dung: Trường hợp bị thu hồi đất nông nghiệp từ 1.000m² đến 2.000m², nếu có nhu cầu mua suất tái định cư thì xem xét hỗ trợ cho mua một suất tái định cư tối thiểu 60m².

Ngày 15/6/2020 UBND quận N ban hành Quyết định 3855/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở (mua nền tái định cư) đối với ông Nguyễn Phú T bị thu hồi đất nông nghiệp với diện tích lớn ảnh hưởng Công trình khu tái định cư A, đủ điều kiện xét cho mua một suất tái định cư với diện tích tối thiểu 60m² tại khu tái định cư A, giá thu tiền sử dụng đất thực hiện theo Công văn 3897/UBND-KT ngày 17/12/2019 của UBND thành phố C.

Ngày 17/02/2022, UBND phường A có biên bản triển khai và trao Quyết định 3855/QĐ-UBND. Theo đó, ông T bị thu hồi diện tích 1.915,14m² đất trồng cây lâu năm nên đủ điều kiện xét cho mua 01 suất tái định cư với diện tích tối thiểu 60m². Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu buộc UBND quận N ra quyết định bổ sung Quyết định 3855/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền là không có cơ sở xem xét.

Do đó, UBND quận N kiến nghị:

- Bác toàn bộ yêu cầu hủy Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022 của Hội đồng bồi thường dự án về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Phú T; hủy một phần Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm là 1.300.000đ và buộc UBND quận N bồi thường với giá 1.500.000đ và buộc UBND quận N ra quyết định bổ sung Quyết định 3855/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền.

- Giữ nguyên Công văn 642/HĐBT ngày 27/9/2022 của Hội đồng bồi thường dự án về việc trả lời đơn của ông T; Quyết định 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm là 1.300.000đ và Quyết định 3855/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở (mua nền tái định cư) đối với ông T bị thu hồi đất nông nghiệp với diện tích lớn ảnh hưởng Công trình khu tái định cư A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2023/HC-ST ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 74, 75, 77, 79, 83, 84 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 19 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND thành phố C quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố C; khoản 7 Điều 1 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của UBND dân thành phố C về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Phú T về việc:

- Yêu cầu hủy Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc trả lời đơn đối với ông.

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm của ông là 1.300.000đ/m², buộc Ủy ban nhân dân quận N bồi thường với giá 1.500.000đ/m² theo quy định tại mục V của Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định bổ sung Quyết định số 3855/QĐ- UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/10/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Phú T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm của ông là 1.300.000đ/m², buộc Ủy ban nhân dân quận N bồi thường với giá 1.500.000đ/m² theo quy định tại mục V của Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định bổ sung Quyết định số 3855/QĐ- UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phú T làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Ngày 18/5/2023, ông Nguyễn Phú T nộp khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022 của Chủ tịch UBND quận N về việc trả lời đơn đối với ông Nguyễn Phú T; Hủy một phần Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND quận N liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm là 1.300.000đ/m² và buộc UBND quận N bồi thường với giá 1.500.000đ/m² theo quy định tại mục V của Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND thành phố C về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường; Buộc UBND quận N ra quyết định bổ sung Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[1] Xét tính hợp pháp đối với Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022:

[1.1] Về thẩm quyền ban hành:

Công văn số 642 ngày 27/9/2022 về “*trả lời đơn đối với ông Nguyễn Phú T bị ảnh hưởng dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị - hạng mục công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư A, thuộc phường A, quận N*” do Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận N ký ban hành, nhưng với tư cách ký thay Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án. Theo khoản 3 Điều 25, Điều 27 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND thành phố C quy định Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án do UBND cấp huyện thành lập và Chủ tịch Hội đồng bồi thường là lãnh đạo UBND cấp huyện. Do đó, Chủ tịch U ban hành Công văn số 642 về trả lời đơn cho ông T là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về nội dung:

Thực hiện Dự án xây dựng công trình tái định cư A; ông Nguyễn Phú T bị thu hồi toàn bộ diện tích thửa đất số 1021 gồm 300m² đất ở đô thị, 1.051,7m² đất trồng cây lâu năm thuộc tờ bản đồ số 35, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06954 cấp ngày 13/12/2002 và toàn bộ diện tích thửa đất số 2739 gồm

300m² đất ở đô thị, 682,64m² đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 35, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04194 cấp ngày 14/5/2007 và 180,8m² đất trồng cây lâu năm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 86, 78 và 145, tờ bản đồ số 09, tại khu vực 2, phường A. Tổng diện tích ông T bị thu hồi là 600m² đất ở đô thị và 1.734,34m² đất trồng cây lâu năm.

Về bồi thường, hỗ trợ đất và hoa màu: Theo Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 và Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND quận N thì ông T được phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất, hoa màu và thưởng với tổng số tiền là 5.431.087.377đ. Thấy rằng, ông T đã được UBND quận N xem xét bồi thường, hỗ trợ về đất và các chính sách hoa màu đầy đủ, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 74, 77, 79, 83 và Điều 84 Luật Đất đai năm 2013.

Về chính sách tái định cư:

Theo khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam mà có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau:

a) Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền;

b) Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.”

Theo điểm c khoản 1 Điều 19 Quyết định số 15/2014/NĐ-CP ngày 13/11/2014 (bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của UBND thành phố C, quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở, không có nhà ở trên đất, không phải di chuyển chỗ ở, không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án nếu có nhu cầu nên tái định cư, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án căn cứ quỹ đất tái định cư của quận, huyện đang quản lý (phải đảm bảo có quỹ nền tái định cư sau khi xét bán) xem xét bán 01 nền tái định cư với diện tích tối thiểu (60m²) trong các trường hợp sau: Diện tích đất ở bị thu hồi toàn bộ và lớn hơn tiêu chuẩn xây dựng theo quy định; Diện tích đất ở bị thu hồi từ 75% trở lên...”*

Xét, ông Nguyễn Phú T bị thu hồi toàn bộ diện tích 600m² đất ở nhưng trên đất không có nhà; đồng thời ông T vẫn còn một căn nhà khác tại địa chỉ 2 khu dân cư C - H phường A. Nên đối chiếu quy định trên, ông T không đủ điều kiện được giao đất tái định cư hay xét bán nền tái định cư khi bị thu hồi đất ở.

Tuy nhiên, theo khoản 3 Công văn số 3882/UBND-KT ngày 16/12/2019 của UBND thành phố C về chính sách hỗ trợ mua nền tái định cư cho các hộ dân

bị thu hồi đất nông nghiệp với diện tích lớn để thực hiện Dự án khu tái định cư A, có nội dung: Trường hợp bị thu hồi đất có nhà trên đất hoặc đất ở không có nhà và đất nông nghiệp bị ảnh hưởng từ 1.000m² trở lên, nếu có nhu cầu mua suất tái định cư thì xem xét hỗ trợ cho mua 01 suất tái định cư tối thiểu 60m².

Thực hiện Công văn 3882 của UBND thành phố C, ngày 15/6/2020 UBND quận N đã ban hành Quyết định 3855/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở (mua nền tái định cư) đối với ông Nguyễn Phú T đủ điều kiện xét cho mua 01 suất tái định cư với diện tích tối thiểu 60m² tại khu tái định cư A.

Sau đó, ngày 17/3/2021, Chủ tịch UBND thành phố C đã ban hành Công văn số 840/UBND-KT về việc hỗ trợ nền tái định cư cho hộ dân bị ảnh hưởng hạn mục cơ sở hạ tầng Khu tái định cư A, thống nhất hỗ trợ bán thêm 01 nền tái định cư cho ông Phạm Phú T2 với diện tích tối thiểu 60m². Và thực hiện Công văn số 840, ngày 05/7/2021 UBND quận N đã ban hành Quyết định 4105, phê duyệt cho ông T2 mua thêm 01 suất tái định cư với diện tích tối thiểu 60m² tại khu vực tái định cư phường A.

Theo đó, ông Nguyễn Phú T đã được UBND quận N phê duyệt xét bán 02 suất tái định cư với diện tích tối thiểu của mỗi suất là 60m² theo Quyết định 3855/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 và Quyết định 4105/QĐ-UBND ngày 05/7/2021. Cho thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Phú T trong việc xem xét tái định cư đã được UBND quận N thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; quyền lợi của ông T đã được bảo đảm.

Do đó, Công văn số 642 ngày 27/9/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư do đại diện Chủ tịch UBND quận N ký ban hành để trả lời đơn cho ông Phạm Phú T2 có nội dung “không có cơ sở xem xét giải quyết việc ông Phạm Phú T2 đề nghị cấp lại nền tái định cư với diện tích 300m² đất ở và xét bán 02 nền tái định cư tại chỗ liền kề” là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ nhận định nêu trên; Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T2 về việc yêu cầu hủy Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022 của Chủ tịch UBND quận N; đồng thời bác yêu cầu buộc UBND quận N ra quyết định bổ sung Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền của ông Nguyễn Phú T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4672 ngày 10/8/2022 của UBND quận N liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm là 1.300.000đ/m² và buộc UBND quận N bồi thường với giá 1.500.000đ/m² theo quy định tại mục V của Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018:

Theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu tái định cư P; trong đó tại Mục VI Điều 1 quy định: Vị trí thửa đất tiếp giáp hẻm nhánh còn lại (gồm các hẻm giáp cạnh nhà sau: Cạnh nhà 206F6; 223A7; 210B1/6; 198/D6; 198/6; 193T/6; 197D/6; 255B/7; 255F7) lộ giới từ 1,5m - 2m đối với đất trồng cây lâu năm có giá là 1.300.000đ/m².

Xét thấy, theo hồ sơ đo đạc và bản đồ hiện trạng thửa đất của ông Phạm Phú T2 thể hiện thửa đất của ông T2 có vị trí giáp đường đi hẻm nhánh; nên ngày 10/8/2022, UBND quận N ban hành Quyết định 4672 để áp giá bồi thường đất trồng cây lâu năm theo giá đất cụ thể tại vị trí VI của Quyết định 1022 nêu trên với đơn giá 1.300.000đ/m² là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T2 về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4672 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm là 1.300.000đ/m² và buộc UBND quận N bồi thường với giá 1.500.000đ/m² theo quy định tại mục V của Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phú T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Phú T phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 74, 75, 77, 79, 83, 84 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phú T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

2. Bác toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Phú T về các yêu cầu:

- Yêu cầu hủy Công văn số 642/HĐBT ngày 27/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc trả lời đơn đối với ông T.

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 liên quan đến việc xác định giá đất trồng cây lâu năm của ông là 1.300.000đ/m², buộc Ủy ban nhân dân quận N bồi thường với giá 1.500.000đ/m² theo quy định tại mục V của Quyết định 1022/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định bổ sung Quyết định số 3855/QĐ- UBND ngày 15/6/2020 về việc cấp 02 nền tái định cư với diện tích 150m²/nền.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Phú T phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001944 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND thành phố Cần Thơ; (1)
- VKSND thành phố Cần Thơ; (1)
- Cục THADS thành phố Cần Thơ; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh